

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Lớp.....

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12.  
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Dân số thế giới tăng nhanh nhất vào khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Đầu thế kỉ XX. B. Giữa thế kỉ XX.  
C. Cuối thế kỉ XX. D. Đầu thế kỉ XXI.

**Câu 2.** Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A. lao động và giới tính. B. lao động và theo tuổi.  
C. tuổi và theo giới tính. D. tuổi và trình độ văn hoá.

**Câu 3.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

- A. trình độ dân trí và học vấn. B. học vấn và nguồn lao động.  
C. nguồn lao động và dân trí. D. dân trí và người làm việc.

**Câu 4.** Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng nhanh là biểu hiện rõ nét của quá trình

- A. đô thị hóa. B. hiện đại hóa.  
C. thương mại hoá. D. công nghiệp hóa.

**Câu 5.** Tất cả các yếu tố ở bên trong của một nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó, được gọi là

- A. nguồn lực tự nhiên. B. nguồn lực xã hội.  
C. nguồn lực trong nước. D. nguồn lực ngoài nước.

**Câu 6.** Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế

- A. có mối quan hệ hữu cơ, tương đối ổn định hợp thành.  
B. có mối quan hệ hữu cơ và không ổn định hợp thành.  
C. không có mối quan hệ, tương đối ổn định hợp thành.  
D. luôn tồn tại độc lập và tương đối ổn định hợp thành.

**Câu 7.** Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng được coi là

- A. cơ sở vật chất. B. công cụ lao động.  
C. tư liệu sản xuất. D. đối tượng lao động.

**Câu 8.** Lúa gạo phân bố tập trung nhiều nhất ở khu vực

- A. nhiệt đới. B. ôn đới. C. cận cực. D. cực.

**Câu 9.** Lúa mì phân bố tập trung nhiều nhất ở khu vực

- A. ôn đới. B. nhiệt đới. C. hàn đới. D. băng giá.

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây đúng về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp?

- A. Là sự sắp xếp và phối hợp các đối tượng nông nghiệp.  
B. Làm gia tăng thêm sự lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên.  
C. Hạn chế quá trình chuyên môn hóa trong nông nghiệp.  
D. Làm gia tăng các thiên tai và gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 11.** Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào

- A. chất lượng đất.      B. diện tích đất.      C. nguồn nước tưới.      D. độ nhiệt ẩm.

**Câu 12.** Giải pháp nào sau đây phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu?

- A. Tăng cường sử dụng các loại thuốc và phân bón hóa học.  
B. Chuyển diện tích đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng.  
C. Thay đổi quy mô và cơ cấu cây trồng cho phù hợp hơn.  
D. Khai thác triệt để các điều kiện cho phát triển nông nghiệp.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Trên quy mô toàn thế giới, gia tăng dân số thực tế chính là gia tăng dân số tự nhiên; còn ở các châu lục và quốc gia, gia tăng dân số thực tế phụ thuộc vào cả gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.

- a) Gia tăng dân số tự nhiên là sự chênh lệch giữa tỷ suất sinh thô và tỷ suất tử thô.  
b) Gia tăng dân số cơ học không ảnh hưởng đến gia tăng dân số thực tế ở các châu lục và quốc gia.  
c) Gia tăng dân số thực tế là tổng số của gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.  
d) Gia tăng dân số thực tế là thước đo chính xác nhất để đánh giá mức độ phát triển kinh tế của một quốc gia.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hoa Kỳ và Ấn Độ, năm 2020**

(Đơn vị: %)

Ngành kinh tế	Quốc gia	Hoa Kỳ	Ấn Độ
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		0,9	18,3
Công nghiệp và xây dựng		18,1	23,5
Dịch vụ		81,0	58,2

(Nguồn: WB, 2022)

- a) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản cao nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng thấp hơn Ấn Độ.  
b) Tỷ trọng dịch vụ cao nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ và cao hơn Hoa Kỳ.  
c) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thấp nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ nhưng cao hơn Hoa Kỳ.  
d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hoa Kỳ và Ấn Độ năm 2020.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**Câu 1.** Tỷ lệ sinh của Mi-an-ma là 20%, tỷ lệ tử là 9% (năm 2021). Hãy cho biết tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Mi-an-ma năm 2021 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Trữ lượng than của các châu lục trên thế giới, năm 2019**

(Đơn vị: tỉ tấn)

Châu lục	Trữ lượng
Châu Á	329,9
Châu Âu	297,3
Châu Mỹ	271,0
Châu Đại Dương	156,7
Châu Phi	14,8

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng trữ lượng than của các châu lục năm 2019. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ tấn).

**Câu 3.** Biết tổng diện tích rừng của khu vực Đông Nam Á là 2 triệu km<sup>2</sup>, tỉ lệ che phủ rừng là 44,4% (năm 2020). Hãy cho biết diện tích tự nhiên của khu vực Đông Nam Á là bao nhiêu triệu km<sup>2</sup>? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phân theo châu lục, năm 2019**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2019
Châu Á	2236,9
Châu Âu	333,6
Châu Mỹ	496,3
Châu Phi	403,9
Châu Đại Dương	40,6

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của châu Á so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.

**Câu 1 (2,0 điểm).** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nhóm nước đang phát triển, năm 2020**

(Đơn vị: %)

0 - 14 tuổi	15 - 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
27,2	65,4	7,4

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Vẽ biểu đồ tròn để thể hiện cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nhóm nước đang phát triển, năm 2020.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Tại sao cây cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên nước ta?

.....**HẾT**.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

SỞ GD&ĐT KON TUM

**KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 -2025**

**TRƯỜNG**

**MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 10**

**THPT LÊ**

**Ngày kiểm tra: 29 / 03 / 2025**



**MÃ ĐỀ 011**

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Lớp.....

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)****PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12.  
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh**A.** trình độ dân trí và học vấn.**B.** học vấn và nguồn lao động.**C.** nguồn lao động và dân trí.**D.** dân trí và người làm việc.**Câu 2.** Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng nhanh là biểu hiện rõ nét của quá trình**A.** đô thị hóa.**B.** hiện đại hóa.**C.** thương mại hoá.**D.** công nghiệp hóa.**Câu 3.** Lúa mì phân bố tập trung nhiều nhất ở khu vực**A.** ôn đới.**B.** nhiệt đới.**C.** hàn đới.**D.** băng giá.**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây đúng về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp?**A.** Là sự sắp xếp và phối hợp các đối tượng nông nghiệp.**B.** Làm gia tăng thêm sự lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên.**C.** Hạn chế quá trình chuyên môn hóa trong nông nghiệp.**D.** Làm gia tăng các thiên tai và gây ô nhiễm môi trường.**Câu 5.** Lúa gạo phân bố tập trung nhiều nhất ở khu vực**A.** nhiệt đới.**B.** ôn đới.**C.** cận cực.**D.** cực.**Câu 6.** Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào**A.** chất lượng đất.**B.** diện tích đất.**C.** nguồn nước tưới.**D.** độ nhiệt ẩm.**Câu 7.** Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng được coi là**A.** cơ sở vật chất.**B.** công cụ lao động.**C.** tư liệu sản xuất.**D.** đối tượng lao động.**Câu 8.** Giải pháp nào sau đây phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu?**A.** Tăng cường sử dụng các loại thuốc và phân bón hóa học.**B.** Chuyển diện tích đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng.**C.** Thay đổi quy mô và cơ cấu cây trồng cho phù hợp hơn.**D.** Khai thác triệt để các điều kiện cho phát triển nông nghiệp.**Câu 9.** Dân số thế giới tăng nhanh nhất vào khoảng thời gian nào sau đây?**A.** Đầu thế kỉ XX.**B.** Giữa thế kỉ XX.**C.** Cuối thế kỉ XX.**D.** Đầu thế kỉ XXI.**Câu 10.** Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo**A.** lao động và giới tính.**B.** lao động và theo tuổi.**C.** tuổi và theo giới tính.**D.** tuổi và trình độ văn hoá.**Câu 11.** Tất cả các yếu tố ở bên trong của một nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó, được gọi là**A.** nguồn lực tự nhiên.**B.** nguồn lực xã hội.**C.** nguồn lực trong nước.**D.** nguồn lực ngoài nước.

**Câu 12.** Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế

- A.** có mối quan hệ hữu cơ, tương đối ổn định hợp thành.
- B.** có mối quan hệ hữu cơ và không ổn định hợp thành.
- C.** không có mối quan hệ, tương đối ổn định hợp thành.
- D.** luôn tồn tại độc lập và tương đối ổn định hợp thành.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hoa Kỳ và Ấn Độ, năm 2020**

(Đơn vị: %)

Ngành kinh tế	Quốc gia	Hoa Kỳ	Ấn Độ
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		0,9	18,3
Công nghiệp và xây dựng		18,1	23,5
Dịch vụ		81,0	58,2

(Nguồn: WB, 2022)

**a)** Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản cao nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng thấp hơn Ấn Độ.

**b)** Tỷ trọng dịch vụ cao nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ và cao hơn Hoa Kỳ.

**c)** Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thấp nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ nhưng cao hơn Hoa Kỳ.

**d)** Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hoa Kỳ và Ấn Độ năm 2020.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Trên quy mô toàn thế giới, gia tăng dân số thực tế chính là gia tăng dân số tự nhiên; còn ở các châu lục và quốc gia, gia tăng dân số thực tế phụ thuộc vào cả gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.

**a)** Gia tăng dân số tự nhiên là sự chênh lệch giữa tỷ suất sinh thô và tỷ suất tử thô.

**b)** Gia tăng dân số cơ học không ảnh hưởng đến gia tăng dân số thực tế ở các châu lục và quốc gia.

**c)** Gia tăng dân số thực tế là tổng số của gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.

**d)** Gia tăng dân số thực tế là thước đo chính xác nhất để đánh giá mức độ phát triển kinh tế của một quốc gia.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phân theo châu lục, năm 2019**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2019
Châu Á	2236,9
Châu Âu	333,6
Châu Mỹ	496,3
Châu Phi	403,9
Châu Đại Dương	40,6

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của châu Á so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

**Câu 2.** Tỉ lệ sinh của Mi-an-ma là 20‰, tỉ lệ tử là 9‰ (năm 2021). Hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Mi-an-ma năm 2021 là bao nhiêu ‰? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Trữ lượng than của các châu lục trên thế giới, năm 2019**

(Đơn vị: tỉ tấn)

Châu lục	Trữ lượng
Châu Á	329,9
Châu Âu	297,3
Châu Mỹ	271,0
Châu Đại Dương	156,7
Châu Phi	14,8

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng trữ lượng than của các châu lục năm 2019. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ tấn).

**Câu 4.** Biết tổng diện tích rừng của khu vực Đông Nam Á là 2 triệu km<sup>2</sup>, tỉ lệ che phủ rừng là 44,4% (năm 2020). Hãy cho biết diện tích tự nhiên của khu vực Đông Nam Á là bao nhiêu triệu km<sup>2</sup>? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.

**Câu 1 (2,0 điểm).** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nhóm nước đang phát triển, năm 2020**

(Đơn vị: ‰)

0 - 14 tuổi	15 - 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
27,2	65,4	7,4

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Vẽ biểu đồ tròn để thể hiện cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nhóm nước đang phát triển, năm 2020.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Tại sao cây cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên nước ta?

.....HẾT.....

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 -2025  
MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 10

Ngày kiểm tra: 29 / 03 / 2025

MÃ ĐỀ 012

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 03 trang)

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào

- A. diện tích đất. B. nguồn nước tưới.  
C. độ nhiệt ẩm. D. chất lượng đất.

**Câu 2.** Tất cả các yếu tố ở bên trong của một nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó, được gọi là

- A. nguồn lực tự nhiên. B. nguồn lực xã hội.  
C. nguồn lực trong nước. D. nguồn lực ngoài nước.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây đúng về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp?

- A. Là sự sắp xếp và phối hợp các đối tượng nông nghiệp.  
B. Làm gia tăng thêm sự lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên.  
C. Hạn chế quá trình chuyên môn hóa trong nông nghiệp.  
D. Làm gia tăng các thiên tai và gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 4.** Giải pháp nào sau đây phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu?

- A. Chuyển diện tích đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng.  
B. Tăng cường sử dụng các loại thuốc và phân bón hóa học.  
C. Thay đổi quy mô và cơ cấu cây trồng cho phù hợp hơn.  
D. Khai thác triệt để các điều kiện cho phát triển nông nghiệp.

**Câu 5.** Lúa gạo phân bố tập trung nhiều nhất ở khu vực

- A. cận cực. B. nhiệt đới. C. ôn đới. D. cực.

**Câu 6.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

- A. nguồn lao động và dân trí. B. dân trí và người làm việc.  
C. học vấn và nguồn lao động. D. trình độ dân trí và học vấn.

**Câu 7.** Lúa mì phân bố tập trung nhiều nhất ở khu vực

- A. ôn đới. B. băng giá. C. hàn đới. D. nhiệt đới.

**Câu 8.** Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A. lao động và theo tuổi. B. tuổi và trình độ văn hoá.  
C. tuổi và theo giới tính. D. lao động và giới tính.

**Câu 9.** Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế

- A. không có mối quan hệ, tương đối ổn định hợp thành.  
B. có mối quan hệ hữu cơ và không ổn định hợp thành.  
C. luôn tồn tại độc lập và tương đối ổn định hợp thành.  
D. có mối quan hệ hữu cơ, tương đối ổn định hợp thành.

**Câu 10.** Dân số thế giới tăng nhanh nhất vào khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Đầu thế kỉ XXI. B. Giữa thế kỉ XX.  
C. Đầu thế kỉ XX. D. Cuối thế kỉ XX.

**Câu 11.** Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng nhanh là biểu hiện rõ nét của quá trình

- A. công nghiệp hóa. B. thương mại hoá. C. đô thị hóa. D. hiện đại hóa.

**Câu 12.** Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng được coi là

- A. cơ sở vật chất.
- C. đối tượng lao động.

- B. công cụ lao động.
- D. tư liệu sản xuất.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hoa Kỳ và Ấn Độ, năm 2020**

(Đơn vị: %)

Quốc gia	Hoa Kỳ	Ấn Độ
<b>Ngành kinh tế</b>		
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	0,9	18,3
Công nghiệp và xây dựng	18,1	23,5
Dịch vụ	81,0	58,2

(Nguồn: WB, 2022)

- a) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản cao nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng thấp hơn Ấn Độ.
- b) Tỷ trọng dịch vụ cao nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ và cao hơn Hoa Kỳ.
- c) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thấp nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ nhưng cao hơn Hoa Kỳ.
- d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hoa Kỳ và Ấn Độ năm 2020.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Trên quy mô toàn thế giới, gia tăng dân số thực tế chính là gia tăng dân số tự nhiên; còn ở các châu lục và quốc gia, gia tăng dân số thực tế phụ thuộc vào cả gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.

- a) Gia tăng dân số tự nhiên là sự chênh lệch giữa tỷ suất sinh thô và tỷ suất tử thô.
- b) Gia tăng dân số cơ học không ảnh hưởng đến gia tăng dân số thực tế ở các châu lục và quốc gia.
- c) Gia tăng dân số thực tế là tổng số của gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.
- d) Gia tăng dân số thực tế là thước đo chính xác nhất để đánh giá mức độ phát triển kinh tế của một quốc gia.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**Câu 1.** Tỷ lệ sinh của Mi-an-ma là 20‰, tỷ lệ tử là 9‰ (năm 2021). Hãy cho biết tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Mi-an-ma năm 2021 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phân theo châu lục, năm 2019**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2019
Châu Á	2236,9
Châu Âu	333,6



Châu Mỹ	496,3
Châu Phi	403,9
Châu Đại Dương	40,6

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của châu Á so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

**Câu 3.** Biết tổng diện tích rừng của khu vực Đông Nam Á là 2 triệu km<sup>2</sup>, tỉ lệ che phủ rừng là 44,4% (năm 2020). Hãy cho biết diện tích tự nhiên của khu vực Đông Nam Á là bao nhiêu triệu km<sup>2</sup>? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Trữ lượng than của các châu lục trên thế giới, năm 2019**

(Đơn vị: tỉ tấn)

Châu lục	Trữ lượng
Châu Á	329,9
Châu Âu	297,3
Châu Mỹ	271,0
Châu Đại Dương	156,7
Châu Phi	14,8

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng trữ lượng than của các châu lục năm 2019. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ tấn).

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.

**Câu 1 (2,0 điểm).** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nhóm nước đang phát triển, năm 2020**

(Đơn vị: %)

0 - 14 tuổi	15 - 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
27,2	65,4	7,4

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Vẽ biểu đồ tròn để thể hiện cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nhóm nước đang phát triển, năm 2020.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Tại sao cây cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên nước ta?

.....**HẾT**.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

**KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 -2025**

**MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 10**

**Ngày kiểm tra: 29 / 03 / 2025**

**Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)**

**MÃ ĐỀ 013**

(Đề kiểm tra có 03 trang)

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Lớp.....

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Lúa mì phân bố tập trung nhiều nhất ở khu vực

- A. hàn đới.                      B. băng giá.                      C. nhiệt đới.                      D. ôn đới.

**Câu 2.** Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng nhanh là biểu hiện rõ nét của quá trình

- A. hiện đại hóa.                      B. công nghiệp hóa.                      C. thương mại hoá.                      D. đô thị hóa.

**Câu 3.** Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A. lao động và giới tính.                      B. tuổi và theo giới tính.  
C. tuổi và trình độ văn hoá.                      D. lao động và theo tuổi.

**Câu 4.** Lúa gạo phân bố tập trung nhiều nhất ở khu vực

- A. ôn đới.                      B. nhiệt đới.                      C. cực.                      D. cận cực.

**Câu 5.** Tất cả các yếu tố ở bên trong của một nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó, được gọi là

- A. nguồn lực tự nhiên.                      B. nguồn lực trong nước.  
C. nguồn lực xã hội.                      D. nguồn lực ngoài nước.

**Câu 6.** Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế

- A. có mối quan hệ hữu cơ, tương đối ổn định hợp thành.  
B. không có mối quan hệ, tương đối ổn định hợp thành.  
C. luôn tồn tại độc lập và tương đối ổn định hợp thành.  
D. có mối quan hệ hữu cơ và không ổn định hợp thành.

**Câu 7.** Dân số thế giới tăng nhanh nhất vào khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Đầu thế kỉ XXI.                      B. Cuối thế kỉ XX.  
C. Đầu thế kỉ XX.                      D. Giữa thế kỉ XX.

**Câu 8.** Giải pháp nào sau đây phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu?

- A. Khai thác triệt để các điều kiện cho phát triển nông nghiệp.  
B. Chuyển diện tích đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng.  
C. Thay đổi quy mô và cơ cấu cây trồng cho phù hợp hơn.  
D. Tăng cường sử dụng các loại thuốc và phân bón hóa học.

**Câu 9.** Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào

- A. chất lượng đất.                      B. diện tích đất.  
C. độ nhiệt ẩm.                      D. nguồn nước tưới.

**Câu 10.** Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng được coi là

- A. cơ sở vật chất.                      B. công cụ lao động.  
C. tư liệu sản xuất.                      D. đối tượng lao động.

**Câu 11.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

- A. dân trí và người làm việc.                      B. học vấn và nguồn lao động.  
C. nguồn lao động và dân trí.                      D. trình độ dân trí và học vấn.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây đúng về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp?

- A. Là sự sắp xếp và phối hợp các đối tượng nông nghiệp.  
B. Làm gia tăng các thiên tai và gây ô nhiễm môi trường.  
C. Làm gia tăng thêm sự lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên.  
D. Hạn chế quá trình chuyên môn hóa trong nông nghiệp.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Trên quy mô toàn thế giới, gia tăng dân số thực tế chính là gia tăng dân số tự nhiên; còn ở các châu lục và quốc gia, gia tăng dân số thực tế phụ thuộc vào cả gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.

a) Gia tăng dân số tự nhiên là sự chênh lệch giữa tỷ suất sinh thô và tỷ suất tử thô.

b) Gia tăng dân số cơ học không ảnh hưởng đến gia tăng dân số thực tế ở các châu lục và quốc gia.

c) Gia tăng dân số thực tế là tổng số của gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.

d) Gia tăng dân số thực tế là thước đo chính xác nhất để đánh giá mức độ phát triển kinh tế của một quốc gia.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hoa Kỳ và Ấn Độ, năm 2020**

(Đơn vị: %)

Quốc gia	Hoa Kỳ	Ấn Độ
<b>Ngành kinh tế</b>		
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	0,9	18,3
Công nghiệp và xây dựng	18,1	23,5
Dịch vụ	81,0	58,2

(Nguồn: WB, 2022)

a) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản cao nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng thấp hơn Ấn Độ.

b) Tỷ trọng dịch vụ cao nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ và cao hơn Hoa Kỳ.

c) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thấp nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ nhưng cao hơn Hoa Kỳ.

d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hoa Kỳ và Ấn Độ năm 2020.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phân theo châu lục, năm 2019**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2019
Châu Á	2236,9
Châu Âu	333,6
Châu Mỹ	496,3
Châu Phi	403,9

Châu Đại Dương	40,6
----------------	------

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của châu Á so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

**Câu 2.** Tỉ lệ sinh của Mi-an-ma là 20%, tỉ lệ tử là 9% (năm 2021). Hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Mi-an-ma năm 2021 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 3.** Biết tổng diện tích rừng của khu vực Đông Nam Á là 2 triệu km<sup>2</sup>, tỉ lệ che phủ rừng là 44,4% (năm 2020). Hãy cho biết diện tích tự nhiên của khu vực Đông Nam Á là bao nhiêu triệu km<sup>2</sup>? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Trữ lượng than của các châu lục trên thế giới, năm 2019**

(Đơn vị: tỉ tấn)

Châu lục	Trữ lượng
Châu Á	329,9
Châu Âu	297,3
Châu Mỹ	271,0
Châu Đại Dương	156,7
Châu Phi	14,8

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng trữ lượng than của các châu lục năm 2019. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ tấn).

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.

**Câu 1 (2,0 điểm).** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nhóm nước đang phát triển, năm 2020**

(Đơn vị: %)

0 - 14 tuổi	15 - 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
27,2	65,4	7,4

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Vẽ biểu đồ tròn để thể hiện cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nhóm nước đang phát triển, năm 2020.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Tại sao cây cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên nước ta?

.....**HẾT**.....

SỞ GDĐT KON TUM  
**TRƯỜNG THPT LÊ LỢI**

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2024-2025**

**MÃ ĐỀ 010**

**ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÝ LỚP: 10**  
(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Phần TNKQ:** 01 câu đúng được 0,25đ; Điểm toàn phần 7,0đ.
- Phần tự luận:** GV cần linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những HS làm bài sáng tạo, điểm thành phần thấp nhất là 0,25đ. Điểm toàn phần 3,0đ.

**II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**PHẦN I.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	7	C
2	C	8	A
3	A	9	A
4	A	10	A
5	C	11	B
6	A	12	C

## PHẦN II.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5 điểm**.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1 điểm**.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	Đ	2	a	S
	b	S		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	S		d	Đ

## PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	1,1	3	4,5
2	1070	4	63,7

## PHẦN IV.

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b> (2,0 điểm)	<p><b>Vẽ biểu đồ:</b> (Tham khảo biểu đồ sau)</p> <p> <input type="checkbox"/> 0 - 14 tuổi  <input type="checkbox"/> 15 - 64 tuổi  <input type="checkbox"/> Từ 65 tuổi trở lên </p> <p><b>CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN, NĂM 2020 (Đơn vị: %)</b></p> <p>- Yêu cầu vẽ biểu đồ dạng tròn (các dạng khác không cho điểm)  - Nếu thiếu tên biểu đồ; chú giải; số liệu thì trừ 0,25 điểm (trừ không quá 1,0 điểm)</p>	2,0
<b>Câu 2</b> (1,0 điểm)	<p>Vùng Tây Nguyên nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển cây cà phê:</p> <p>- Địa hình và đất đai: Địa hình cao nguyên; đất badan (HS nêu được một trong hai điều kiện ở ý này vẫn cho 0,25 điểm)</p>	0,25

- Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nóng quanh năm.	0,25
- Nguồn nước dồi dào.	0,25
- Các điều kiện thuận lợi khác: Dân cư và lao động, thị trường, cơ sở hạ tầng,...	0,25
<i>(HS nêu được một trong các điều kiện ở ý này vẫn cho 0,25 điểm)</i>	
<b>*Hướng dẫn cách tính điểm của câu hỏi theo đặc thù môn học:</b> HS có thể diễn đạt cách khác nhưng nếu đảm bảo đủ nội dung vẫn cho điểm tối đa.	

SỞ GDĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2024-2025

**MÃ ĐỀ 011**

**ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 10**

*(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)*

**PHẦN I.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	7	C
2	A	8	C
3	A	9	B
4	A	10	C
5	A	11	C
6	B	12	A

**PHẦN II.**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5 điểm**.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1 điểm**.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	S	2	a	Đ
	b	S		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	Đ		d	S

**PHẦN III.**

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	63,7	3	1070
2	1,1	4	4,5

**PHẦN IV.**

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b> (2,0 điểm)	<b>Vẽ biểu đồ:</b> <i>(Tham khảo biểu đồ sau)</i>	2,0

	<p style="text-align: center;"><b>CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN, NĂM 2020 (Đơn vị: %)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu vẽ biểu đồ dạng tròn (các dạng khác không cho điểm)</li> <li>- Nếu thiếu tên biểu đồ; chú giải; số liệu thì trừ 0,25 điểm (trừ không quá 1,0 điểm)</li> </ul>	
<p><b>Câu 2 (1,0 điểm)</b></p>	<p>Vùng Tây Nguyên nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển cây cà phê:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa hình và đất đai: Địa hình cao nguyên; đất badan (HS nêu được một trong hai điều kiện ở ý này vẫn cho 0,25 điểm)</li> <li>- Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nóng quanh năm.</li> <li>- Nguồn nước dồi dào.</li> <li>- Các điều kiện thuận lợi khác: Dân cư và lao động, thị trường, cơ sở hạ tầng,...</li> </ul> <p>(HS nêu được một trong các điều kiện ở ý này vẫn cho 0,25 điểm)</p> <p><b>*Hướng dẫn cách tính điểm của câu hỏi theo đặc thù môn học:</b> HS có thể diễn đạt cách khác nhưng nếu đảm bảo đủ nội dung vẫn cho điểm tối đa.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

SỞ GDĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2024-2025

**MÃ ĐỀ 012**

**ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 10**  
(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1. **Phần TNKQ:** 01 câu đúng được 0,25đ; Điểm toàn phần 7,0đ.
2. **Phần tự luận:** GV cần linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những HS làm bài sáng tạo, điểm thành phần thấp nhất là 0,25đ. Điểm toàn phần 3,0đ.

**II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**PHẦN I.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	7	A
2	C	8	C
3	A	9	D
4	C	10	B
5	B	11	C
6	D	12	D

**PHẦN II.**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5** điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1** điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	S	2	a	Đ
	b	S		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	Đ		d	S

### PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	1,1	3	4,5
2	63,7	4	1070

### PHẦN IV.

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1 (2,0 điểm)</b>	<p>Vẽ biểu đồ: (Tham khảo biểu đồ sau)</p> <p> <input type="checkbox"/> 0 - 14 tuổi  <input type="checkbox"/> 15 - 64 tuổi  <input type="checkbox"/> Từ 65 tuổi trở lên </p> <p><b>CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN, NĂM 2020 (Đơn vị: %)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu vẽ biểu đồ dạng tròn (các dạng khác không cho điểm)</li> <li>- Nếu thiếu tên biểu đồ; chú giải; số liệu thì trừ 0,25 điểm (trừ không quá 1,0 điểm)</li> </ul>	1,5
<b>Câu 2 (1,0 điểm)</b>	<p>Vùng Tây Nguyên nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển cây cà phê:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa hình và đất đai: Địa hình cao nguyên; đất badan (HS nêu được một trong hai điều kiện ở ý này vẫn cho 0,25 điểm)</li> <li>- Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nóng quanh năm.</li> <li>- Nguồn nước dồi dào.</li> <li>- Các điều kiện thuận lợi khác: Dân cư và lao động, thị trường, cơ sở hạ tầng,...</li> </ul> <p>(HS nêu được một trong các điều kiện ở ý này vẫn cho 0,25 điểm)</p> <p><b>*Hướng dẫn cách tính điểm của câu hỏi theo đặc thù môn học:</b> HS có thể diễn đạt cách khác nhưng nếu đảm bảo đủ nội dung vẫn cho điểm tối đa.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>



**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

**1. Phần TNKQ:** 01 câu đúng được 0,25đ; Điểm toàn phần 7,0đ.

**2. Phần tự luận:** GV cần linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những HS làm bài sáng tạo, điểm thành phần thấp nhất là 0,25đ. Điểm toàn phần 3,0đ.

**II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)****PHẦN I.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	<b>D</b>	7	<b>D</b>
2	<b>D</b>	8	<b>C</b>
3	<b>B</b>	9	<b>B</b>
4	<b>B</b>	10	<b>C</b>
5		11	<b>D</b>
6	<b>A</b>	12	<b>A</b>

**PHẦN II.**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5 điểm**.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1 điểm**.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	<b>Đ</b>	2	a	<b>S</b>
	b	<b>S</b>		b	<b>S</b>
	c	<b>Đ</b>		c	<b>Đ</b>
	d	<b>S</b>		d	<b>Đ</b>

**PHẦN III.**

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	<b>63,7</b>	3	<b>4,5</b>
2	<b>1,1</b>	4	<b>1070</b>

**PHẦN IV.**

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b> <b>(2,0 điểm)</b>	<b>Vẽ biểu đồ:</b> (Tham khảo biểu đồ sau)	2,0

	<p style="text-align: center;"><b>CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN, NĂM 2020 (Đơn vị: %)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu vẽ biểu đồ dạng tròn (<i>các dạng khác không cho điểm</i>)</li> <li>- Nếu thiếu tên biểu đồ; chú giải; số liệu thì trừ 0,25 điểm (<i>trừ không quá 1,0 điểm</i>)</li> </ul>	
<b>Câu 2 (1,0 điểm)</b>	<p>Vùng Tây Nguyên nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển cây cà phê:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa hình và đất đai: Địa hình cao nguyên; đất badan (<i>HS nêu được một trong hai điều kiện ở ý này vẫn cho 0,25 điểm</i>)</li> <li>- Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nóng quanh năm.</li> <li>- Nguồn nước dồi dào.</li> <li>- Các điều kiện thuận lợi khác: Dân cư và lao động, thị trường, cơ sở hạ tầng,...</li> </ul> <p>(<i>HS nêu được một trong các điều kiện ở ý này vẫn cho 0,25 điểm</i>)</p> <p><b>*Hướng dẫn cách tính điểm của câu hỏi theo đặc thù môn học:</b> HS có thể diễn đạt cách khác nhưng nếu đảm bảo đủ nội dung vẫn cho điểm tối đa.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

Mã đề 111

Họ và tên: ..... Lớp..... Số báo danh: .....

**A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Dân cư của Tây Nam Á chủ yếu là người

- A. A-rập                      B. Thổ Nhĩ Kỳ.                      C. Do Thái.                      D. Ba Tư.

**Câu 2.** Trong cơ cấu công nghiệp khai khoáng của Hoa Kỳ có ngành

- A. luyện kim màu.                      B. khai thác dầu khí.  
C. điện tử-tin học.                      D. sản xuất ô tô.

**Câu 3.** Loại rừng chiếm diện tích chủ yếu ở Liên bang Nga là

- A. rừng lá rộng.                      B. thường xanh.                      C. rừng tai-ga.                      D. rừng lá cứng.

**Câu 4.** Liên Bang Nga có chung biên giới với bao nhiêu quốc gia?

- A. 12.                      B. 11.                      C. 14.                      D. 13.

**Câu 5.** Phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở khu vực

- A. Nam Mỹ.                      B. Bắc Mỹ.                      C. Ca-ri-bê.                      D. Trung Mỹ.

**Câu 6.** Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

- A. số lượng lao động ít nhất.                      B. tốc độ tăng trưởng rất chậm.  
C. hàng hóa ít có sự đa dạng.                      D. tỉ trọng trong GDP lớn nhất.

**Câu 7.** Nông nghiệp chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu GDP của khu vực Tây Nam Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. trình độ khoa học - công nghệ hạn chế.  
B. thiếu lực lượng lao động trầm trọng.  
C. điều kiện tự nhiên không thuận lợi.  
D. thị trường có nhiều diễn biến phức tạp.

**Câu 8.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư của Liên bang Nga?

- A. Dân số đông.                      B. Dân số trẻ.                      C. Gia tăng nhanh.                      D. Phân bố đồng đều.

**Câu 9.** Phần lớn diện tích Tây Nam Á có địa hình là

- A. đồi thấp, đầm lầy.                      B. núi và sơn nguyên.  
C. đầm lầy, đồng bằng.                      D. cao nguyên, đồi thấp.

**Câu 10.** Quốc gia nào sau đây có lãnh thổ nằm ở cả châu Á và châu Âu?

- A. Hoa Kỳ.                      B. Trung Quốc.                      C. Ấn Độ.                      D. Liên bang Nga.

**Câu 11.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư Hoa Kỳ?

- A. Cơ cấu dân số trẻ.                      B. Mật độ dân số cao.  
C. Có nhiều chủng tộc.                      D. Phân bố đồng đều.

**Câu 12.** Ngành kinh tế đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế khu vực Tây Nam Á là

- A. thủy sản.                      B. dầu khí.                      C. chăn nuôi.                      D. trồng trọt.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

**Câu 1.** Cho thông tin sau.

Khu vực Tây Nam Á sở hữu trên 50% trữ lượng dầu mỏ và khoảng trên 40% trữ lượng khí tự nhiên trên thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc gia quanh vịnh Péc-xích. Ngoài ra Tây Nam Á còn có những tài nguyên khoáng sản khác như than đá, sắt, crôm, đồng, phốt phát...”

- a) Trữ lượng dầu mỏ tập trung lớn ở các nước A-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-ôét.  
b) Khu vực Tây Nam Á không có tài nguyên khoáng sản phong phú.  
c) Dầu khí là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp trong khu vực.  
d) Công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí là ngành quan trọng của nhiều quốc gia trong khu vực.

**Câu 2. Cho bảng số liệu****SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1960-2020**

Năm	1960	1980	2000	2010	2020
Số dân (triệu người)	180,7	227,2	282,2	309,0	331,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,7	1,0	1,2	0,9	0,6

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

- a) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kỳ tăng.
- b) Dân số của Hoa Kỳ có xu hướng giảm.
- c) Quy mô dân số Hoa Kỳ năm 2020 gấp khoảng 1,83 lần năm 1960.
- d) Tỷ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ năm 2020 bằng ½ năm 2000.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**Câu 1.** Biết tổng số dân của Liên bang Nga là 146 triệu người, trong đó dân tộc Nga chiếm 80,9% (năm 2020). Cho biết dân tộc Nga của Liên bang Nga có bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người).

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020**

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ
GDP	84906,81	20893,74

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 3.** Biết trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu là 4924,7 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

**Câu 4.** Khu vực Tây Nam Á năm 2020 dân số là 402,5 triệu người, trong đó số dân thành thị là 289,8 triệu người. Tính tỉ lệ dân thành thị của khu vực Tây Nam Á vào năm 2020 là bao nhiêu %?

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1: (2,0 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

**Quy mô dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020**

Đơn vị: Triệu người

Năm	2000	2010	2015	2020
Dân số	282,2	309,3	320,7	331,5

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện quy mô dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020.
- b. Nhận xét dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020.

**Câu 2:(1,0 điểm)** Tại sao thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay?

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025  
MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 11

Ngày kiểm tra: 29 / 03 / 2025

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 02 trang)

Mã đề 112

Họ và tên: ..... Lớp..... Số báo danh: .....

**A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Liên Bang Nga có chung biên giới với bao nhiêu quốc gia?

- A. 13.
- B. 14.
- C. 12.
- D. 11.

**Câu 2.** Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

- A. hàng hóa ít có sự đa dạng.
- B. tốc độ tăng trưởng rất chậm.

- C. số lượng lao động ít nhất.
- Câu 3.** Phần lớn diện tích Tây Nam Á có địa hình là
- A. đồi thấp, đầm lầy.  
C. đầm lầy, đồng bằng.
- Câu 4.** Loại rừng chiếm diện tích chủ yếu ở Liên bang Nga là
- A. thường xanh.  
B. rừng lá cứng.  
C. rừng lá rộng.  
D. rừng tai-ga.
- Câu 5.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư Hoa Kỳ?
- A. Phân bố đồng đều.  
C. Cơ cấu dân số trẻ.
- Câu 6.** Phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở khu vực
- A. Trung Mỹ.  
B. Bắc Mỹ.  
C. Ca-ri-bê.  
D. Nam Mỹ.
- Câu 7.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư của Liên bang Nga?
- A. Dân số trẻ.  
B. Dân số đông.  
C. Gia tăng nhanh.  
D. Phân bố đồng đều.
- Câu 8.** Quốc gia nào sau đây có lãnh thổ nằm ở cả châu Á và châu Âu?
- A. Ấn Độ.  
B. Hoa Kỳ.  
C. Liên bang Nga.  
D. Trung Quốc.
- Câu 9.** Ngành kinh tế đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế khu vực Tây Nam Á là
- A. chăn nuôi.  
B. thủy sản.  
C. trồng trọt.  
D. dầu khí.
- Câu 10.** Trong cơ cấu công nghiệp khai khoáng của Hoa Kỳ có ngành
- A. điện tử-tin học.  
B. khai thác dầu khí.  
C. luyện kim màu.  
D. sản xuất ô tô.
- Câu 11.** Dân cư của Tây Nam Á chủ yếu là người
- A. Ả-rập.  
B. Thổ Nhĩ Kỳ.  
C. Do Thái.  
D. Ba Tư.
- Câu 12.** Nông nghiệp chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu GDP của khu vực Tây Nam Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
- A. trình độ khoa học - công nghệ hạn chế.  
B. điều kiện tự nhiên không thuận lợi.  
C. thị trường có nhiều diễn biến phức tạp.  
D. thiếu lực lượng lao động trầm trọng.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

**Câu 1.** Cho thông tin sau.

Khu vực Tây Nam Á sở hữu trên 50% trữ lượng dầu mỏ và khoảng trên 40% trữ lượng khí tự nhiên trên thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc gia quanh vịnh Péc-xích. Ngoài ra Tây Nam Á còn có những tài nguyên khoáng sản khác như than đá, sắt, crôm, đồng, photphát...”

- a) Dầu khí là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp trong khu vực.  
b) Trữ lượng dầu mỏ tập trung lớn ở các nước Ả-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-ôét.  
c) Khu vực Tây Nam Á không có tài nguyên khoáng sản phong phú.  
d) Công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí là ngành quan trọng của nhiều quốc gia trong khu vực.

**Câu 2. Cho bảng số liệu**

**SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1960-2020**

Năm	1960	1980	2000	2010	2020
Số dân (triệu người)	180,7	227,2	282,2	309,0	331,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,7	1,0	1,2	0,9	0,6

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

- a) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kỳ tăng.  
b) Tỷ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ năm 2020 bằng ½ năm 2000.  
c) Dân số của Hoa Kỳ có xu hướng giảm.  
d) Quy mô dân số Hoa Kỳ năm 2020 gấp khoảng 1,83 lần năm 1960.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

# GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ
GDP	84906,81	20893,74

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 2.** Khu vực Tây Nam Á năm 2020 dân số là 402,5 triệu người, trong đó số dân thành thị là 289,8 triệu người. Tính tỉ lệ dân thành thị của khu vực Tây Nam Á vào năm 2020 là bao nhiêu %?

**Câu 3.** Biết trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu là 4924,7 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

**Câu 4.** Biết tổng số dân của Liên bang Nga là 146 triệu người, trong đó dân tộc Nga chiếm 80,9% (năm 2020). Cho biết dân tộc Nga của Liên bang Nga có bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người).

## B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

**Câu 1: (2,0 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

### Quy mô dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020

Đơn vị: Triệu người

Năm	2000	2010	2015	2020
Dân số	282,2	309,3	320,7	331,5

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện quy mô dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020.

b. Nhận xét dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020.

**Câu 2: (1,0 điểm)** Tại sao thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay?

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025  
MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 11

Ngày kiểm tra: 29 / 03 / 2025

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 02 trang)

Mã đề 113

Họ và tên: ..... Lớp..... Số báo danh: .....

## A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Ngành kinh tế đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế khu vực Tây Nam Á là

- A. chăn nuôi. B. dầu khí. C. thủy sản. D. trồng trọt.

**Câu 2.** Quốc gia nào sau đây có lãnh thổ nằm ở cả châu Á và châu Âu?

- A. Liên bang Nga. B. Ấn Độ. C. Trung Quốc. D. Hoa Kỳ.

**Câu 3.** Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

- A. tỉ trọng trong GDP lớn nhất. B. số lượng lao động ít nhất.  
C. tốc độ tăng trưởng rất chậm. D. hàng hóa ít có sự đa dạng.

**Câu 4.** Dân cư của Tây Nam Á chủ yếu là người

- A. Do Thái. B. Thổ Nhĩ Kỳ. C. Ba Tư. D. Ả-rập

**Câu 5.** Phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở khu vực

- A. Nam Mỹ. B. Bắc Mỹ. C. Ca-ri-bê. D. Trung Mỹ.

**Câu 6.** Trong cơ cấu công nghiệp khai khoáng của Hoa Kỳ có ngành

- A. khai thác dầu khí. B. điện tử-tin học.  
C. sản xuất ô tô. D. luyện kim màu.

**Câu 7.** Nông nghiệp chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu GDP của khu vực Tây Nam Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. trình độ khoa học - công nghệ hạn chế.  
B. điều kiện tự nhiên không thuận lợi.  
C. thiếu lực lượng lao động trầm trọng.

D. thị trường có nhiều diễn biến phức tạp.

**Câu 8.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư Hoa Kỳ?

A. Có nhiều chủng tộc.

B. Cơ cấu dân số trẻ.

C. Phân bố đồng đều.

D. Mật độ dân số cao.

**Câu 9.** Loại rừng chiếm diện tích chủ yếu ở Liên bang Nga là

A. rừng lá cứng.

B. rừng lá rộng.

C. rừng tai-ga.

D. thường xanh.

**Câu 10.** Phần lớn diện tích Tây Nam Á có địa hình là

A. cao nguyên, đồi thấp.

B. đồi thấp, đầm lầy.

C. núi và sơn nguyên.

D. đầm lầy, đồng bằng.

**Câu 11.** Liên Bang Nga có chung biên giới với bao nhiêu quốc gia?

A. 13.

B. 11.

C. 12.

D. 14.

**Câu 12.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư của Liên bang Nga?

A. Gia tăng nhanh.

B. Dân số đông.

C. Dân số trẻ.

D. Phân bố đồng

đều.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

**Câu 1.** Cho thông tin sau.

Khu vực Tây Nam Á sở hữu trên 50% trữ lượng dầu mỏ và khoảng trên 40% trữ lượng khí tự nhiên trên thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc gia quanh vịnh Péc-xích. Ngoài ra Tây Nam Á còn có những tài nguyên khoáng sản khác như than đá, sắt, crôm, đồng, phốt phát...”

a) Công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí là ngành quan trọng của nhiều quốc gia trong khu vực.

b) Khu vực Tây Nam Á không có tài nguyên khoáng sản phong phú.

c) Trữ lượng dầu mỏ tập trung lớn ở các nước A-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-oét.

d) Dầu khí là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp trong khu vực.

**Câu 2. Cho bảng số liệu**

**SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1960-2020**

Năm	1960	1980	2000	2010	2020
Số dân (triệu người)	180,7	227,2	282,2	309,0	331,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,7	1,0	1,2	0,9	0,6

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

a) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kỳ tăng.

b) Tỷ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ năm 2020 bằng ½ năm 2000.

c) Dân số của Hoa Kỳ có xu hướng giảm.

d) Quy mô dân số Hoa Kỳ năm 2020 gấp khoảng 1,83 lần năm 1960.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020**

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ
GDP	84906,81	20893,74

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 2.** Biết tổng số dân của Liên bang Nga là 146 triệu người, trong đó dân tộc Nga chiếm 80,9% (năm 2020). Cho biết dân tộc Nga của Liên bang Nga có bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người).

**Câu 3.** Khu vực Tây Nam Á năm 2020 dân số là 402,5 triệu người, trong đó số dân thành thị là 289,8 triệu người. Tính tỉ lệ dân thành thị của khu vực Tây Nam Á vào năm 2020 là bao nhiêu %?

**Câu 4.** Biết trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu là 4924,7 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1: (2,0 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

**Quy mô dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020**

Đơn vị: Triệu người

Năm	2000	2010	2015	2020
Dân số	282,2	309,3	320,7	331,5

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện quy mô dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020.  
b. Nhận xét dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020.

**Câu 2: (1,0 điểm)** Tại sao thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay?

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025  
MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 11

Ngày kiểm tra: 29 / 03 / 2025

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 02 trang)

Mã đề 114

Họ và tên: ..... Lớp..... Số báo danh: .....

**A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở khu vực

- A. Nam Mỹ. B. Ca-ri-bê. C. Bắc Mỹ. D. Trung Mỹ.

**Câu 2.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư Hoa Kỳ?

- A. Cơ cấu dân số trẻ. B. Mật độ dân số cao.  
C. Phân bố đồng đều. D. Có nhiều chủng tộc.

**Câu 3.** Liên Bang Nga có chung biên giới với bao nhiêu quốc gia?

- A. 12. B. 11. C. 14. D. 13.

**Câu 4.** Dân cư của Tây Nam Á chủ yếu là người

- A. Ả-rập B. Thổ Nhĩ Kỳ. C. Ba Tư. D. Do Thái.

**Câu 5.** Ngành kinh tế đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế khu vực Tây Nam Á là

- A. dầu khí. B. chăn nuôi. C. trồng trọt. D. thủy sản.

**Câu 6.** Quốc gia nào sau đây có lãnh thổ nằm ở cả châu Á và châu Âu?

- A. Hoa Kỳ. B. Ấn Độ. C. Trung Quốc. D. Liên bang Nga.

**Câu 7.** Nông nghiệp chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu GDP của khu vực Tây Nam Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. điều kiện tự nhiên không thuận lợi.  
B. thị trường có nhiều diễn biến phức tạp.  
C. thiếu lực lượng lao động trầm trọng.  
D. trình độ khoa học - công nghệ hạn chế.

**Câu 8.** Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

- A. hàng hóa ít có sự đa dạng. B. số lượng lao động ít nhất.  
C. tốc độ tăng trưởng rất chậm. D. tỉ trọng trong GDP lớn nhất.

**Câu 9.** Loại rừng chiếm diện tích chủ yếu ở Liên bang Nga là

- A. thường xanh. B. rừng tai-ga. C. rừng lá cứng. D. rừng lá rộng.

**Câu 10.** Phần lớn diện tích Tây Nam Á có địa hình là

- A. cao nguyên, đồi thấp. B. núi và sơn nguyên.  
C. đồi thấp, đầm lầy. D. đầm lầy, đồng bằng.

**Câu 11.** Trong cơ cấu công nghiệp khai khoáng của Hoa Kỳ có ngành

- A. sản xuất ô tô. B. khai thác dầu khí.  
C. luyện kim màu. D. điện tử-tin học.

**Câu 12.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư của Liên bang Nga?

- A. Dân số trẻ. B. Dân số đông. C. Gia tăng nhanh. D. Phân bố đồng đều.



**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

**Câu 1. Cho bảng số liệu**

**SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1960-2020**

Năm	1960	1980	2000	2010	2020
Số dân (triệu người)	180,7	227,2	282,2	309,0	331,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,7	1,0	1,2	0,9	0,6

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

- a) Dân số của Hoa Kỳ có xu hướng giảm.
- b) Tỷ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ năm 2020 bằng  $\frac{1}{2}$  năm 2000.
- c) Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kỳ tăng.
- d) Quy mô dân số Hoa Kỳ năm 2020 gấp khoảng 1,83 lần năm 1960.

**Câu 2.** Cho thông tin sau.

Khu vực Tây Nam Á sở hữu trên 50% trữ lượng dầu mỏ và khoảng trên 40% trữ lượng khí tự nhiên trên thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc gia quanh vịnh Péc-xích. Ngoài ra Tây Nam Á còn có những tài nguyên khoáng sản khác như than đá, sắt, crôm, đồng, photphát...”

- a) Công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí là ngành quan trọng của nhiều quốc gia trong khu vực.
- b) Dầu khí là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp trong khu vực.
- c) Trữ lượng dầu mỏ tập trung lớn ở các nước A-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-ôét.
- d) Khu vực Tây Nam Á không có tài nguyên khoáng sản phong phú.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**Câu 1.** Khu vực Tây Nam Á năm 2020 dân số là 402,5 triệu người, trong đó số dân thành thị là 289,8 triệu người. Tính tỉ lệ dân thành thị của khu vực Tây Nam Á vào năm 2020 là bao nhiêu %?

**Câu 2.** Biết trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu là 4924,7 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020**

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ
GDP	84906,81	20893,74

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 4.** Biết tổng số dân của Liên bang Nga là 146 triệu người, trong đó dân tộc Nga chiếm 80,9% (năm 2020). Cho biết dân tộc Nga của Liên bang Nga có bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người).

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1: (2,0 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

**Quy mô dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020**

Đơn vị: Triệu người

Năm	2000	2010	2015	2020
Dân số	282,2	309,3	320,7	331,5

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện quy mô dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020.
- b. Nhận xét dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020.

**Câu 2: (1,0 điểm)** Tại sao thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay?

----- HẾT -----

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)****PHẦN I.**(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,25 điểm**)

<b>Câu</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
Đáp án	A	B	C	C	B	D
<b>Câu</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>
Đáp án	C	A	B	D	C	B

**PHẦN II.**Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,50 điểm**.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1 điểm**.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
<b>1</b>	<b>a</b>	<b>Đ</b>	<b>2</b>	<b>a</b>	<b>S</b>
	<b>b</b>	<b>S</b>		<b>b</b>	<b>S</b>
	<b>c</b>	<b>Đ</b>		<b>c</b>	<b>Đ</b>
	<b>d</b>	<b>Đ</b>		<b>d</b>	<b>Đ</b>

**PHẦN III.**(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,5 điểm**)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	118	2	25	3	-628	4	72

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	<b>a. Vẽ biểu đồ</b> - HS vẽ được biểu đồ cột - Yêu cầu: Đầy đủ, chính xác, khoa học và thẩm mỹ. Thiếu mỗi yếu tố trên biểu đồ GV linh hoạt trừ 0,25 điểm. (Lưu ý: HS vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm)	1, 5
	<b>b. Nhận xét</b> - Hoa Kỳ có số dân đông (dẫn chứng) - Dân số tăng trong giai đoạn 2000- 2020 (dẫn chứng)	0,25 0,25
2 (1,0 điểm)	<b>* Thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay vì:</b> - Dân số Liên Bang Nga có xu hướng giảm dân, gia tăng tự nhiên âm, số người di cư ra nước ngoài đông. - Cơ cấu dân số già, số người từ 0 – 14 tuổi có xu hướng giảm gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn lao động trong tương lai.	0,5 0,5

(Mỗi ý 0,5 điểm. HS diễn đạt theo cách khác song vẫn đảm bảo đủ ý theo yêu cầu vẫn sẽ cho điểm tối đa.)

-----HẾT-----

SỞ GDĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2024-2025

MÃ ĐỀ 112

ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 11

(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	B	D	D	B
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	D	B	A	B

PHẦN II.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
1	a	Đ	2	a	S
	b	Đ		b	Đ
	c	S		c	S
	d	Đ		d	Đ

PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	25	2	72	3	-628	4	118

B. TỰ LUẬN (3 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	<p><b>a. Vẽ biểu đồ</b></p> <p>- HS vẽ được biểu đồ cột</p> <p>- Yêu cầu: Đầy đủ, chính xác, khoa học và thẩm mỹ. Thiếu mỗi yếu tố trên biểu đồ GV linh hoạt trừ 0,25 điểm.</p> <p>(Lưu ý: HS vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm)</p>	1, 5
	<b>b. Nhận xét</b>	

	- Hoa Kỳ có số dân đông (dẫn chứng)	0,25
	- Dân số tăng trong giai đoạn 2000- 2020 (dẫn chứng)	0,25
2 (1,0 điểm)	<b>* Thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay vì:</b>	
	- Dân số Liên Bang Nga có xu hướng giảm dần, gia tăng tự nhiên âm, số người di cư ra nước ngoài đông. - Cơ cấu dân số già, số người từ 0 – 14 tuổi có xu hướng giảm gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn lao động trong tương lai. <i>(Mỗi ý 0,5 điểm. HS diễn đạt theo cách khác song vẫn đảm bảo đủ ý theo yêu cầu vẫn sẽ cho điểm tối đa.)</i>	0,5  0,5

-----HẾT-----

SỞ GDĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2024-2025

**MÃ ĐỀ 113**

**ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 11**

*(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)*

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**PHẦN I.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,25 điểm**)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	A	D	B	A
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	C	C	D	B

**PHẦN II.**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,50 điểm**.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1 điểm**.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
<b>1</b>	<b>a</b>	<b>D</b>	<b>2</b>	<b>a</b>	<b>S</b>
	<b>b</b>	<b>S</b>		<b>b</b>	<b>D</b>
	<b>c</b>	<b>D</b>		<b>c</b>	<b>S</b>
	<b>d</b>	<b>D</b>		<b>d</b>	<b>D</b>

**PHẦN III.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,5 điểm**)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	25	2	118	3	72	4	-628

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	<b>a. Vẽ biểu đồ</b> - HS vẽ được biểu đồ cột - Yêu cầu: Đầy đủ, chính xác, khoa học và thẩm mỹ. Thiếu mỗi yếu tố trên biểu đồ GV linh hoạt trừ 0,25 điểm. <i>(Lưu ý: HS vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm)</i>	1,5
	<b>b. Nhận xét</b> - Hoa Kỳ có số dân đông (dẫn chứng) - Dân số tăng trong giai đoạn 2000- 2020 (dẫn chứng)	0,25 0,25
2 (1,0 điểm)	<b>* Thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay vì:</b> - Dân số Liên Bang Nga có xu hướng giảm dần, gia tăng tự nhiên âm, số người di cư ra nước ngoài đông. - Cơ cấu dân số già, số người từ 0 – 14 tuổi có xu hướng giảm gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn lao động trong tương lai. <i>(Mỗi ý 0,5 điểm. HS diễn đạt theo cách khác song vẫn đảm bảo đủ ý theo yêu cầu vẫn sẽ cho điểm tối đa.)</i>	0,5 0,5

-----HẾT-----

SỞ GDĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2024-2025

**MÃ ĐỀ 114**

**ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 11**

*(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)*

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**PHẦN I.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,25 điểm**)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	C	A	A	D
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	B	B	B	B

**PHẦN II.**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,50 điểm**.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1 điểm**.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
1	a	S	2	a	Đ
	b	Đ		b	Đ

	<b>c</b>	<b>S</b>		<b>c</b>	<b>Đ</b>
	<b>d</b>	<b>Đ</b>		<b>d</b>	<b>S</b>

### PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,5 điểm**)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	72	2	-628	3	25	4	118

### B. TỰ LUẬN (3 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	<b>a. Vẽ biểu đồ</b> - HS vẽ được biểu đồ cột - Yêu cầu: Đầy đủ, chính xác, khoa học và thẩm mỹ. Thiếu mỗi yếu tố trên biểu đồ GV linh hoạt trừ 0,25 điểm. <i>(Lưu ý: HS vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm)</i>	1,5
	<b>b. Nhận xét</b> - Hoa Kỳ có số dân đông (dẫn chứng) - Dân số tăng trong giai đoạn 2000- 2020 (dẫn chứng)	0,25 0,25
2 (1,0 điểm)	<b>* Thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay vì:</b> - Dân số Liên Bang Nga có xu hướng giảm dần, gia tăng tự nhiên âm, số người di cư ra nước ngoài đông. - Cơ cấu dân số già, số người từ 0 – 14 tuổi có xu hướng giảm gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn lao động trong tương lai. <i>(Mỗi ý 0,5 điểm. HS diễn đạt theo cách khác song vẫn đảm bảo đủ ý theo yêu cầu vẫn sẽ cho điểm tối đa.)</i>	0,5 0,5

-----HẾT-----

Mã đề 121

Họ và tên: ..... Lớp:..... SBD.....

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. trình độ chăn nuôi thấp, công nghiệp chế biến hạn chế.
- B. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.
- C. công tác vận chuyển sản phẩm, thị trường biến động.
- D. cơ sở thức ăn cho phát triển chăn nuôi còn rất hạn chế.

**Câu 2.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh nổi bật nào sau đây?

- A. Trồng cây cận nhiệt.
- B. Phát triển kinh tế biển.
- C. Phát triển thủy điện.
- D. Khai thác khoáng sản.

**Câu 3.** Tỉnh nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có chung biên giới với cả nước Lào và Trung Quốc?

- A. Lạng Sơn
- B. Lai Châu.
- C. Điện Biên.
- D. Lào Cai.

**Câu 4.** Tỉnh trọng điểm nghề cá ở Bắc Trung Bộ là

- A. Hà Tĩnh.
- B. Thừa Thiên - Huế.
- C. Quảng Trị.
- D. Nghệ An.

**Câu 5.** Ở Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

- A. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.
- B. có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.
- C. có lịch sử khai thác lâu đời, sản xuất phát triển.
- D. nền kinh tế phát triển với tốc độ rất nhanh.

**Câu 6.** Nhận định nào sau đây **không đúng** với tình hình phát triển của ngành du lịch ở nước ta hiện nay?

- A. Đã hình thành được các vùng du lịch.
- B. Phân bố chủ yếu ở các thành phố lớn.
- C. Là ngành kinh tế mũi nhọn nước ta.
- D. Sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng.

**Câu 7.** Mục đích chủ yếu của việc tăng nhanh tỉ trọng khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
- B. đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.
- D. thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế hàng hóa

**Câu 8.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của Bắc Trung Bộ là

- A. gió Lào khô nóng, bão cát.
- B. xâm nhập mặn, ngập úng.
- C. ngập mặn, sạt lở bờ biển.
- D. bão, lũ lụt, hạn hán.

**Câu 9.** Đồng bằng sông Hồng là vùng có

- A. mật độ dân số cao nhất cả nước.
- B. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp.
- C. số dân chiếm một nửa cả nước.
- D. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.

**Câu 10.** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu do

- A. tích cực mở rộng thêm nhiều thị trường.
- B. đẩy mạnh khai thác khoáng sản các loại.
- C. tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- D. đẩy mạnh công nghiệp hóa và đô thị hóa.

**Câu 11.** Ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng chủ yếu do

- A. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa.
- B. kinh tế - xã hội đang phát triển theo chiều rộng.
- C. sự mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường.
- D. đời sống của nhân dân đang dần được ổn định.

**Câu 12.** Yếu tố chủ yếu tạo sức hút đầu tư ở Bắc Trung Bộ là

- A. áp dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến ở nhiều lĩnh vực.
- B. độ che phủ rừng lớn, vùng biển rộng và giàu tài nguyên sinh vật.
- C. lao động dồi dào, cần cù và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.
- D. cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật ngày càng được đầu tư xây dựng.

**Câu 13.** Quốc lộ 1 **không** đi qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Tây Nguyên.

**Câu 14.** Loại đất nào chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu đất tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất mặn.
- B. Đất phù sa ngọt.
- C. Đất cát.
- D. Đất phèn.

**Câu 15.** Thế mạnh nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

- A. Lao động đông, có kinh nghiệm và có trình độ.
- B. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- C. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
- D. Đồng bằng châu thổ rộng lớn và đất màu mỡ.

**Câu 16.** Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. điều tiết lũ trên các sông và phát triển du lịch.
- B. đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về điện năng.
- C. đẩy mạnh khai thác và chế biến khoáng sản.
- D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa trong vùng.

**Câu 17.** Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.
- B. có một số nguồn nước khoáng.
- C. có mật độ sông ngòi khá cao.
- D. rừng tự nhiên có diện tích lớn.

**Câu 18.** Cây công nghiệp chính của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Thuốc lá.
- B. Cà phê.
- C. Chè.
- D. Cao su.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2010	2015	2020	2022
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Nhập khẩu	84,8	165,8	262,7	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)



a) Giá trị nhập khẩu tăng trong giai đoạn 2010 - 2022.

b) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022.

c) Giá trị cán cân thương mại tăng liên tục.

d) Giá trị xuất khẩu tăng chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình, thuận lợi cho các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới như: chè, rau, đậu, cây dược liệu, cây ăn quả.

a) Yếu tố khí hậu cùng với đất thích hợp giúp Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể sản xuất cây chè.

b) Các cây dược liệu thích hợp với điều kiện ở vùng núi cao, có khí hậu quanh năm mát mẻ.

c) Do địa hình cao, khí hậu mát nên Sa Pa (Lào Cai) có điều kiện thuận lợi để trồng rau ôn đới quanh năm.

d) Hiện nay cây công nghiệp, cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được trồng theo hướng tập trung với quy mô lớn là chủ yếu.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng có đường bờ biển dài từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, có nhiều bãi tắm, trên biển có nhiều đảo, đặc biệt quần thể Vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà tạo thuận lợi để phát triển du lịch. Diện tích vùng biển rộng, nhiều vịnh, nhiều cửa sông, có ngư trường trọng điểm Hải Phòng - Quảng Ninh thuận lợi để nuôi trồng, khai thác thủy sản và phát triển giao thông vận tải biển.

a) Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.

b) Đồng bằng sông Hồng hiện nay đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản chủ yếu do thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đáp ứng thị trường.

c) Giải pháp phát triển kinh tế biển của Đồng bằng sông Hồng là tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái.

d) Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các hoạt động kinh tế biển là nâng cao chất lượng lao động, tạo sự đồng đều về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Năm 2021, Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn thứ hai cả nước, số lượng lợn và gia cầm tăng nhanh. Chăn nuôi trâu, bò phát triển mạnh ở Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, bò sữa phát triển mạnh nhất ở Nghệ An. Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh.

a) Nghệ An là tỉnh có số lượng bò sữa phát triển mạnh nhất.

b) Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn nhất cả nước.

c) Chăn nuôi trâu, bò ở Bắc Trung Bộ phát triển mạnh do điều kiện tự nhiên, nguồn thức ăn và nhu cầu thị trường.

d) Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh chủ yếu do nguồn thức ăn phong phú, nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế cao.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Dân số của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân theo thành thị và nông thôn, năm 2021**

(Đơn vị: Nghìn người)

Tổng số dân	Thành thị	Nông thôn
12925,1	2646,9	10278,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Tính tỉ lệ dân thành thị của Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 2.** Năm 2021, tổng diện tích lúa của cả nước là 7238,9 nghìn ha, diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng là 970,3 nghìn ha. Cho biết Đồng bằng sông Hồng chiếm bao nhiêu phần trăm trong cơ cấu diện tích lúa của cả nước? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Tổng diện tích rừng ở Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Tổng diện tích rừng	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, 2022)

Tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2021 so với năm 2010. (coi năm 2010 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

-----HẾT-----

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

Mã đề 122

KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2024 - 2025  
MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 12

Ngày kiểm tra: 29/3/ 2025

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 04 trang)

Họ và tên: ..... Lớp:..... SBD.....

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Thế mạnh nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đồng bằng châu thổ rộng lớn và đất màu mỡ.
- B. Lao động đông, có kinh nghiệm và có trình độ.
- C. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
- D. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

**Câu 2.** Nhận định nào sau đây **không đúng** với tình hình phát triển của ngành du lịch ở nước ta hiện nay?

- A. Phân bố chủ yếu ở các thành phố lớn.
- B. Đã hình thành được các vùng du lịch.
- C. Sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng.
- D. Là ngành kinh tế mũi nhọn nước ta.

**Câu 3.** Loại đất nào chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu đất tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất mặn.
- B. Đất cát.
- C. Đất phù sa ngọt.
- D. Đất phèn.

**Câu 4.** Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đẩy mạnh khai thác và chế biến khoáng sản.
- B. điều tiết lũ trên các sông và phát triển du lịch.
- C. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa trong vùng.
- D. đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về điện năng.

**Câu 5.** Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A. có một số nguồn nước khoáng.
- B. có mật độ sông ngòi khá cao.

C. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

D. rừng tự nhiên có diện tích lớn.

**Câu 6.** Mục đích chủ yếu của việc tăng nhanh tỉ trọng khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

A. thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế hàng hóa

B. đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.

D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 7.** Tỉnh nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có chung biên giới với cả nước Lào và Trung Quốc?

A. Điện Biên.

B. Lào Cai.

C. Lạng Sơn

D. Lai Châu.

**Câu 8.** Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. cơ sở thức ăn cho phát triển chăn nuôi còn rất hạn chế.

B. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.

C. công tác vận chuyển sản phẩm, thị trường biến động.

D. trình độ chăn nuôi thấp, công nghiệp chế biến hạn chế.

**Câu 9.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của Bắc Trung Bộ là

A. xâm nhập mặn, ngập úng.

B. ngập mặn, sạt lở bờ biển.

C. gió Lào khô nóng, bão cát.

D. bão, lũ lụt, hạn hán.

**Câu 10.** Ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng chủ yếu do

A. kinh tế - xã hội đang phát triển theo chiều rộng.

B. sự mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường.

C. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa.

D. đời sống của nhân dân đang dần được ổn định.

**Câu 11.** Tỉnh trọng điểm nghề cá ở Bắc Trung Bộ là

A. Hà Tĩnh.

B. Thừa Thiên - Huế.

C. Quảng Trị.

D. Nghệ An.

**Câu 12.** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu do

A. tích cực mở rộng thêm nhiều thị trường.

B. đẩy mạnh khai thác khoáng sản các loại.

C. đẩy mạnh công nghiệp hóa và đô thị hóa.

D. tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

**Câu 13.** Cây công nghiệp chính của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. Cà phê.

B. Chè.

C. Cao su.

D. Thuốc lá.

**Câu 14.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh nổi bật nào sau đây?

A. Phát triển thủy điện.

B. Trồng cây cận nhiệt.

C. Phát triển kinh tế biển.

D. Khai thác khoáng sản.

**Câu 15.** Yếu tố chủ yếu tạo sức hút đầu tư ở Bắc Trung Bộ là

A. áp dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến ở nhiều lĩnh vực.

B. độ che phủ rừng lớn, vùng biển rộng và giàu tài nguyên sinh vật.

C. lao động dồi dào, cần cù và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.

D. cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật ngày càng được đầu tư xây dựng.

**Câu 16.** Đồng bằng sông Hồng là vùng có

A. mật độ dân số cao nhất cả nước.

B. số dân chiếm một nửa cả nước.

C. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp.

D. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.

**Câu 17.** Quốc lộ 1 **không** đi qua vùng kinh tế nào sau đây?

A. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

**Câu 18.** Ở Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

A. nền kinh tế phát triển với tốc độ rất nhanh.

B. có lịch sử khai thác lâu đời, sản xuất phát triển.

C. có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.

D. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình, thuận lợi cho các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới như: chè, rau, đậu, cây dược liệu, cây ăn quả.

a) Yếu tố khí hậu cùng với đất thích hợp giúp Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể sản xuất cây chè.

b) Các cây dược liệu thích hợp với điều kiện ở vùng núi cao, có khí hậu quanh năm mát mẻ.

c) Do địa hình cao, khí hậu mát nên Sa Pa (Lào Cai) có điều kiện thuận lợi để trồng rau ôn đới quanh năm.

d) Hiện nay cây công nghiệp, cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được trồng theo hướng tập trung với quy mô lớn là chủ yếu.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2010	2015	2020	2022
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Nhập khẩu	84,8	165,8	262,7	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

a) Giá trị nhập khẩu tăng trong giai đoạn 2010 - 2022.

b) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022.

c) Giá trị cán cân thương mại tăng liên tục.

d) Giá trị xuất khẩu tăng chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Năm 2021, Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn thứ hai cả nước, số lượng lợn và gia cầm tăng nhanh. Chăn nuôi trâu, bò phát triển mạnh ở Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, bò sữa phát triển mạnh nhất ở Nghệ An. Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh.

a) Nghệ An là tỉnh có số lượng bò sữa phát triển mạnh nhất.

b) Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn nhất cả nước.

c) Chăn nuôi trâu, bò ở Bắc Trung Bộ phát triển mạnh do điều kiện tự nhiên, nguồn thức ăn và nhu cầu thị trường.

d) Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh chủ yếu do nguồn thức ăn phong phú, nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế cao.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng có đường bờ biển dài từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, có nhiều bãi tắm, trên biển có nhiều đảo, đặc biệt quần thể Vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà tạo thuận lợi để phát triển du lịch. Diện tích vùng biển rộng, nhiều vịnh, nhiều cửa sông, có ngư trường trọng điểm Hải Phòng - Quảng Ninh thuận lợi để nuôi trồng, khai thác thủy sản và phát triển giao thông vận tải biển.

a) Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.

b) Đồng bằng sông Hồng hiện nay đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản chủ yếu do thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đáp ứng thị trường.

c) Giải pháp phát triển kinh tế biển của Đồng bằng sông Hồng là tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái.

d) Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các hoạt động kinh tế biển là nâng cao chất lượng lao động, tạo sự đồng đều về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

**Câu 1.** Năm 2021, tổng diện tích lúa của cả nước là 7238,9 nghìn ha, diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng là 970,3 nghìn ha. Cho biết Đồng bằng sông Hồng chiếm bao nhiêu phần trăm trong cơ cấu diện tích lúa của cả nước? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Dân số của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân theo thành thị và nông thôn, năm 2021**

(Đơn vị: Nghìn người)

Tổng số dân	Thành thị	Nông thôn
12925,1	2646,9	10278,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Tính tỉ lệ dân thành thị của Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Tổng diện tích rừng ở Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Tổng diện tích rừng	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, 2022)

Tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2021 so với năm 2010. (coi năm 2010 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

-----HẾT-----

SỞ GDĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

**KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 12**

Ngày kiểm tra: 29/3/ 2025

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 04 trang)

**Mã đề 123**

Họ và tên: ..... Lớp:..... SBD.....

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Yếu tố chủ yếu tạo sức hút đầu tư ở Bắc Trung Bộ là

- A. cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật ngày càng được đầu tư xây dựng.
- B. độ che phủ rừng lớn, vùng biển rộng và giàu tài nguyên sinh vật.
- C. áp dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến ở nhiều lĩnh vực.
- D. lao động dồi dào, cần cù và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.

**Câu 2.** Ở Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

- A. có lịch sử khai thác lâu đời, sản xuất phát triển.
- B. nền kinh tế phát triển với tốc độ rất nhanh.
- C. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.
- D. có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.

- Câu 3.** Nhận định nào sau đây **không đúng** với tình hình phát triển của ngành du lịch ở nước ta hiện nay?
- A. Phân bố chủ yếu ở các thành phố lớn.
  - B. Là ngành kinh tế mũi nhọn nước ta.
  - C. Đã hình thành được các vùng du lịch.
  - D. Sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng.
- Câu 4.** Tỉnh trọng điểm nghề cá ở Bắc Trung Bộ là
- A. Quảng Trị.
  - B. Hà Tĩnh.
  - C. Nghệ An.
  - D. Thừa Thiên - Huế.
- Câu 5.** Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.
  - B. trình độ chăn nuôi thấp, công nghiệp chế biến hạn chế.
  - C. công tác vận chuyển sản phẩm, thị trường biến động.
  - D. cơ sở thức ăn cho phát triển chăn nuôi còn rất hạn chế.
- Câu 6.** Mục đích chủ yếu của việc tăng nhanh tỉ trọng khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là
- A. hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.
  - B. đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
  - C. thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế hàng hóa
  - D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
- Câu 7.** Loại đất nào chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu đất tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng?
- A. Đất phèn.
  - B. Đất cát.
  - C. Đất phù sa ngọt.
  - D. Đất mặn.
- Câu 8.** Cây công nghiệp chính của Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. Cà phê.
  - B. Cao su.
  - C. Thuốc lá.
  - D. Chè.
- Câu 9.** Tỉnh nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có chung biên giới với cả nước Lào và Trung Quốc?
- A. Lào Cai.
  - B. Lai Châu.
  - C. Điện Biên.
  - D. Lạng Sơn
- Câu 10.** Đồng bằng sông Hồng là vùng có
- A. số dân chiếm một nửa cả nước.
  - B. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.
  - C. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp.
  - D. mật độ dân số cao nhất cả nước.
- Câu 11.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh nổi bật nào sau đây?
- A. Khai thác khoáng sản.
  - B. Phát triển kinh tế biển.
  - C. Trồng cây cận nhiệt.
  - D. Phát triển thủy điện.
- Câu 12.** Thế mạnh nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Đồng bằng sông Hồng?
- A. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
  - B. Lao động đông, có kinh nghiệm và có trình độ.
  - C. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
  - D. Đồng bằng châu thổ rộng lớn và đất màu mỡ.
- Câu 13.** Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. đẩy mạnh khai thác và chế biến khoáng sản.
  - B. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa trong vùng.
  - C. điều tiết lũ trên các sông và phát triển du lịch.
  - D. đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về điện năng.
- Câu 14.** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu do
- A. đẩy mạnh khai thác khoáng sản các loại.
  - B. tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
  - C. tích cực mở rộng thêm nhiều thị trường.
-

D. đẩy mạnh công nghiệp hóa và đô thị hóa.

**Câu 15.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của Bắc Trung Bộ là

A. gió Lào khô nóng, bão cát.

B. ngập mặn, sạt lở bờ biển.

C. xâm nhập mặn, ngập úng.

D. bão, lũ lụt, hạn hán.

**Câu 16.** Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

A. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

B. có mật độ sông ngòi khá cao.

C. rừng tự nhiên có diện tích lớn.

D. có một số nguồn nước khoáng.

**Câu 17.** Ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng chủ yếu do

A. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa.

B. sự mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường.

C. kinh tế - xã hội đang phát triển theo chiều rộng.

D. đời sống của nhân dân đang dần được ổn định.

**Câu 18.** Quốc lộ 1 **không** đi qua vùng kinh tế nào sau đây?

A. Tây Nguyên.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đông Nam Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng có đường bờ biển dài từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, có nhiều bãi tắm, trên biển có nhiều đảo, đặc biệt quần thể Vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà tạo thuận lợi để phát triển du lịch. Diện tích vùng biển rộng, nhiều vịnh, nhiều cửa sông, có ngư trường trọng điểm Hải Phòng - Quảng Ninh thuận lợi để nuôi trồng, khai thác thủy sản và phát triển giao thông vận tải biển.

a) Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.

b) Đồng bằng sông Hồng hiện nay đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản chủ yếu do thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đáp ứng thị trường.

c) Giải pháp phát triển kinh tế biển của Đồng bằng sông Hồng là tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái.

d) Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các hoạt động kinh tế biển là nâng cao chất lượng lao động, tạo sự đồng đều về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Năm 2021, Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn thứ hai cả nước, số lượng lợn và gia cầm tăng nhanh. Chăn nuôi trâu, bò phát triển mạnh ở Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, bò sữa phát triển mạnh nhất ở Nghệ An. Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh.

a) Nghệ An là tỉnh có số lượng bò sữa phát triển mạnh nhất.

b) Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn nhất cả nước.

c) Chăn nuôi trâu, bò ở Bắc Trung Bộ phát triển mạnh do điều kiện tự nhiên, nguồn thức ăn và nhu cầu thị trường.

d) Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh chủ yếu do nguồn thức ăn phong phú, nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế cao.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt

theo độ cao địa hình, thuận lợi cho các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới như: chè, rau, đậu, cây dược liệu, cây ăn quả.

a) Yếu tố khí hậu cùng với đất thích hợp giúp Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể sản xuất cây chè.

b) Các cây dược liệu thích hợp với điều kiện ở vùng núi cao, có khí hậu quanh năm mát mẻ.

c) Do địa hình cao, khí hậu mát nên Sa Pa (Lào Cai) có điều kiện thuận lợi để trồng rau ôn đới quanh năm.

d) Hiện nay cây công nghiệp, cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được trồng theo hướng tập trung với quy mô lớn là chủ yếu.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2010	2015	2020	2022
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Nhập khẩu	84,8	165,8	262,7	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

a) Giá trị nhập khẩu tăng trong giai đoạn 2010 - 2022.

b) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022.

c) Giá trị cán cân thương mại tăng liên tục.

d) Giá trị xuất khẩu tăng chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Tổng diện tích rừng ở Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Tổng diện tích rừng	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, 2022)

Tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2021 so với năm 2010. (coi năm 2010 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

**Câu 2.** Năm 2021, tổng diện tích lúa của cả nước là 7238,9 nghìn ha, diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng là 970,3 nghìn ha. Cho biết Đồng bằng sông Hồng chiếm bao nhiêu phần trăm trong cơ cấu diện tích lúa của cả nước? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Dân số của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân theo thành thị và nông thôn, năm 2021**

(Đơn vị: Nghìn người)

Tổng số dân	Thành thị	Nông thôn
12925,1	2646,9	10278,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Tính tỉ lệ dân thành thị của Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

-----HẾT-----



Họ và tên: ..... Lớp:..... SBD.....

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Ở Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

- A. nền kinh tế phát triển với tốc độ rất nhanh.
- B. có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.
- C. có lịch sử khai thác lâu đời, sản xuất phát triển.
- D. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.

**Câu 2.** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu do

- A. đẩy mạnh công nghiệp hóa và đô thị hóa.
- B. đẩy mạnh khai thác khoáng sản các loại.
- C. tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- D. tích cực mở rộng thêm nhiều thị trường.

**Câu 3.** Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về điện năng.
- B. điều tiết lũ trên các sông và phát triển du lịch.
- C. đẩy mạnh khai thác và chế biến khoáng sản.
- D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa trong vùng.

**Câu 4.** Tỉnh nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có chung biên giới với cả nước Lào và Trung Quốc?

- A. Lai Châu.
- B. Điện Biên.
- C. Lào Cai.
- D. Lạng Sơn

**Câu 5.** Ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng chủ yếu do

- A. sự mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường.
- B. kinh tế - xã hội đang phát triển theo chiều rộng.
- C. đời sống của nhân dân đang dần được ổn định.
- D. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa.

**Câu 6.** Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.
- B. có một số nguồn nước khoáng.
- C. có mật độ sông ngòi khá cao.
- D. rừng tự nhiên có diện tích lớn.

**Câu 7.** Đồng bằng sông Hồng là vùng có

- A. số dân chiếm một nửa cả nước.
- B. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.
- C. mật độ dân số cao nhất cả nước.
- D. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp.

**Câu 8.** Thế mạnh nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
- B. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- C. Lao động đông, có kinh nghiệm và có trình độ.
- D. Đồng bằng châu thổ rộng lớn và đất màu mỡ.

**Câu 9.** Nhận định nào sau đây **không đúng** với tình hình phát triển của ngành du lịch ở nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng.
- B. Đã hình thành được các vùng du lịch.
- C. Là ngành kinh tế mũi nhọn nước ta.
- D. Phân bố chủ yếu ở các thành phố lớn.

**Câu 10.** Tỉnh trọng điểm nghề cá ở Bắc Trung Bộ là

- A. Nghệ An.
  - B. Thừa Thiên - Huế.
  - C. Hà Tĩnh.
  - D. Quảng Trị.
-

**Câu 11.** Loại đất nào chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu đất tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất phèn.                      B. Đất phù sa ngọt.                      C. Đất cát.                      D. Đất mặn.

**Câu 12.** Mục đích chủ yếu của việc tăng nhanh tỉ trọng khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế hàng hóa  
B. hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.  
C. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.  
D. đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 13.** Yếu tố chủ yếu tạo sức hút đầu tư ở Bắc Trung Bộ là

- A. lao động dồi dào, cần cù và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.  
B. cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật ngày càng được đầu tư xây dựng.  
C. độ che phủ rừng lớn, vùng biển rộng và giàu tài nguyên sinh vật.  
D. áp dụng khoa học, kĩ thuật và công nghệ tiên tiến ở nhiều lĩnh vực.

**Câu 14.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh nổi bật nào sau đây?

- A. Phát triển kinh tế biển.                      B. Phát triển thủy điện.  
C. Trồng cây cận nhiệt.                      D. Khai thác khoáng sản.

**Câu 15.** Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. trình độ chăn nuôi thấp, công nghiệp chế biến hạn chế.  
B. công tác vận chuyển sản phẩm, thị trường biến động.  
C. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.  
D. cơ sở thức ăn cho phát triển chăn nuôi còn rất hạn chế.

**Câu 16.** Quốc lộ 1 **không** đi qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.                      B. Bắc Trung Bộ.  
C. Đông Nam Bộ.                      D. Tây Nguyên.

**Câu 17.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của Bắc Trung Bộ là

- A. bão, lũ lụt, hạn hán.                      B. gió Lào khô nóng, bão cát.  
C. xâm nhập mặn, ngập úng.                      D. ngập mặn, sạt lở bờ biển.

**Câu 18.** Cây công nghiệp chính của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Thuốc lá.                      B. Chè.                      C. Cao su.                      D. Cà phê.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Năm 2021, Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn thứ hai cả nước, số lượng lợn và gia cầm tăng nhanh. Chăn nuôi trâu, bò phát triển mạnh ở Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, bò sữa phát triển mạnh nhất ở Nghệ An. Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh.

a) Nghệ An là tỉnh có số lượng bò sữa phát triển mạnh nhất.

b) Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn nhất cả nước.

c) Chăn nuôi trâu, bò ở Bắc Trung Bộ phát triển mạnh do điều kiện tự nhiên, nguồn thức ăn và nhu cầu thị trường.

d) Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh chủ yếu do nguồn thức ăn phong phú, nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế cao.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng có đường bờ biển dài từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, có nhiều bãi tắm, trên biển có nhiều đảo, đặc biệt quần thể Vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà tạo thuận lợi để phát triển du lịch. Diện tích vùng biển rộng, nhiều vịnh, nhiều cửa sông, có ngư trường trọng điểm Hải Phòng - Quảng Ninh thuận lợi để nuôi trồng, khai thác thủy sản và phát triển giao thông vận tải biển.

a) Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.

b) Đồng bằng sông Hồng hiện nay đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản chủ yếu do thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đáp ứng thị trường.

c) Giải pháp phát triển kinh tế biển của Đồng bằng sông Hồng là tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái.

d) Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các hoạt động kinh tế biển là nâng cao chất lượng lao động, tạo sự đồng đều về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**  
(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2010	2015	2020	2022
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Nhập khẩu	84,8	165,8	262,7	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

a) Giá trị nhập khẩu tăng trong giai đoạn 2010 - 2022.

b) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022.

c) Giá trị cán cân thương mại tăng liên tục.

d) Giá trị xuất khẩu tăng chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình, thuận lợi cho các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới như: chè, rau, đậu, cây dược liệu, cây ăn quả.

a) Yếu tố khí hậu cùng với đất thích hợp giúp Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể sản xuất cây chè.

b) Các cây dược liệu thích hợp với điều kiện ở vùng núi cao, có khí hậu quanh năm mát mẻ.

c) Do địa hình cao, khí hậu mát nên Sa Pa (Lào Cai) có điều kiện thuận lợi để trồng rau ôn đới quanh năm.

d) Hiện nay cây công nghiệp, cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được trồng theo hướng tập trung với quy mô lớn là chủ yếu.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Dân số của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân theo thành thị và nông thôn, năm 2021**  
(Đơn vị: Nghìn người)

Tổng số dân	Thành thị	Nông thôn
12925,1	2646,9	10278,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Tính tỉ lệ dân thành thị của Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Tổng diện tích rừng ở Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Tổng diện tích rừng	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, 2022)

Tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2021 so với năm 2010. (coi năm 2010 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

**Câu 3.** Năm 2021, tổng diện tích lúa của cả nước là 7238,9 nghìn ha, diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng là 970,3 nghìn ha. Cho biết Đồng bằng sông Hồng chiếm bao nhiêu phần trăm trong cơ cấu diện tích lúa của cả nước? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

-----HẾT-----

SỞ GDĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  
**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2024 -**

2025

**Môn: Địa lí, Lớp 12**  
(Bản Hướng dẫn gồm 01 trang)

**Phần I: Mỗi câu 0.25đ**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Điểm	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5
121	C	B	C	D	C	B	B	D	A	A	C	D	D	B	A	B	A	C
122	B	A	C	D	C	B	A	C	D	B	D	A	B	C	D	A	D	B
123	A	A	A	C	C	B	C	D	C	D	B	B	D	C	D	A	B	A
124	C	D	A	B	A	A	C	C	D	A	B	D	B	A	B	D	A	B

**Phần II: Mỗi câu tối đa 1đ: đúng 1 ý 0.1đ, đúng 2 ý: 0.25đ, đúng 3 ý: 0.5đ, đúng 4 ý: 1đ.**

Câu	1a	1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d	4a	4b	4c	4d
Điểm	0,1	0,2 5	0,5	1	0,1	0,2 5	0,5	1	0,1	0,2 5	0,5	1	0,1	0,2 5	0,5	1
121	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S	Đ	Đ
122	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S
123	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ
124	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S

**Phần III: Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm**

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3
Điểm	0,5	0,5	0,5
121	20,5	13,4	112
122	13,4	20,5	112
123	112	13,4	20,5
124	20,5	112	13,4

-----HẾT-----